

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 459/2022/DS-PT

Ngày: 05/10/2022

V/v tranh chấp QSD đất;

Tặng cho QSD đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vĩnh

Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Xuyên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Võ Thị Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 10 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 186/2021/TLPT-DS ngày 04 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp dân sự Quyền sử dụng đất; Hợp đồng tặng cho Quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 23/2021 DS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 315/2021/QĐ-PT ngày 03 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Các nguyên đơn:

1. Ông **Lê Văn L**, sinh năm 1973.

2. Bà **Tăng Thị Tuyết M**, sinh năm 1978.

3. Anh **Lê Duy M**, sinh năm 2002.

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn là ông Thái Quang T, sinh năm 1975; Địa chỉ: Đường N, phường i, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp theo văn bản ủy quyền ngày 30/6/2021.

- Bị đơn: Bà Lê Thị Phượng L, sinh năm 1979;

Địa chỉ: ấp 1, xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. NLQ1, sinh năm 1963.

Địa chỉ: ấp 1, xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện ủy quyền của bị đơn Lê Thị Phương L, NLQ1 là anh Nguyễn Vĩnh T, sinh năm 1990; Địa chỉ: Đường P, phường n, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp theo văn bản ủy quyền ngày 27/12/2021, ngày 28/12/2021.

2. NLQ2, sinh năm 1995.

Địa chỉ: ấp 1, xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. NLQ3.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn H; Địa chỉ: Lô N, đường C, khóm iii, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn C;*

Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Có mặt: Ông Nguyễn Vĩnh T; các đương sự còn lại vắng mặt).

Người kháng cáo: Lê Thị Phương L là bị đơn, NLQ1 là người liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Quyền sử dụng (viết tắt QSD); Quyền sở hữu (viết tắt QSH);

Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND);

Quyết định (viết tắt QĐ).

- Nguyên đơn ông Lê Văn L, bà Tăng Thị Tuyết M, anh Lê Duy M, đại diện ủy quyền ông Thái Quang T trình bày:

Năm 1997 hộ gia đình ông L được cấp QSD đất thửa 11, tờ bản đồ số 09, diện tích 65.008m²; đất tọa lạc xã T, huyện T. Ngày 09/12/2009 thì cấp đổi giấy QSD đất.

Năm 2012 ông L xin tách thửa số 11 thành 05 thửa gồm:

- Thửa 771 diện tích 12.076 m²;
- Thửa 772 diện tích 10.000 m²;
- Thửa 773 diện tích 5.000 m²;
- Thửa 774 diện tích 15.000 m²;
- Thửa 786 diện tích 22.932 m².

Năm 2012 giữa ông L và cụ Lê Văn C (cha ông L) phát sinh tranh chấp nên UBND huyện T ban hành Quyết định số 112/QĐ-UBND-HC ngày 09/9/2013 thu hồi giấy chứng nhận QSD đất tại thửa 786, tờ bản đồ số 09, diện tích 22.932m² (nay là thửa 413, tờ bản đồ số 26, diện tích 19.850,6m²) và ban hành Quyết định số 170/QĐ-UBND-HC ngày 31/12/2013 hủy giấy QSD đất,

Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cấp cho hộ ông L.

Không đồng ý với các quyết định của UBND huyện T, năm 2016 ông L đã gửi đơn tranh chấp đến Tòa án. Trong thời gian Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án hành chính thì UBND huyện T ban hành Quyết định số 74/QĐ-UBND.NĐ ngày 06/4/2016 công nhận QSD đất cho hộ cụ Lê Văn C tại thửa đất nêu trên, (từ hộ đổi sang cá nhân cụ C). Sau đó ông L khởi kiện các Quyết định của UBND huyện T. Năm 2018 Tòa án tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm vụ án của ông L bằng bản án Hành chính sơ thẩm số 10/2018/HC-ST ngày 02/11/2018, kết quả:

Chấp nhận yêu cầu của ông L.

Hủy các Quyết định số 112/QĐ- UBND-HC ngày 09/9/2013, Quyết định số 170/QĐ-UBND-HC ngày 31/12/2013, Quyết định số 74/QĐ-UBND.NĐ ngày 06/4/2016 của UBND huyện T;

Hủy giấy QSD đất cấp cho hộ ông Lê Văn C và hủy giấy chứng nhận QSD đất cấp đổi cho ông C có diện tích 19.850,6m² tại thửa 413, tđđ số 26; đến nay bản án số 10/2018/HC-ST ngày 02/11/2018 của Tòa án tỉnh Đồng Tháp không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực thi hành. Do đó, giấy QSD đất đã cấp cho ông L có giá trị pháp lý.

Đất tranh chấp tại thửa 413, tờ bản đồ số 26 (*đo thực tế 19.468m²*) hiện nay do bà L đang canh tác. Nay các nguyên đơn yêu cầu bà L, NLQ1 giao trả diện tích đất đo thực tế 19.468m², thửa 413, tờ bản đồ số 26 tọa lạc tại xã T, huyện T cho gia đình ông L sử dụng.

- Bị đơn bà Lê Thị Phương L ngày 22/03/2021 có văn bản ý kiến như sau: Diện tích đất hiện nay ông L tranh chấp có nguồn gốc là do ông C mua của người khác, ông L chỉ đứng tên dùm. Nay diện tích đất này ông C đã cho NLQ1, hiện nay NLQ1 đang cho bà thuê lại. Do đó yêu cầu trả đất của ông L bà không đồng ý vì đất này là của ông C tặng cho con là NLQ1.

Trong quá trình Tòa án đang xét xử, bà L mức đất nơi khác đổ lên phần đất tranh chấp trang trải canh tác lúa, lý do đổ đất bà cho rằng do đất có một phần lung bào, khó canh tác, hiện bà không nhớ thời gian cũng không nhớ đổ bao nhiêu khối đất lên phần đất tranh chấp. Phiên tòa hôm nay bà L không có ý kiến hay yêu cầu gì về việc mức đất đổ lên phần đất tranh chấp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ NLQ1 trình bày tại phiên tòa ngày 22/03/2021 như sau: Đất đang tranh chấp có nguồn gốc là do cha là cụ Lê Văn C mua của người khác, ông L chỉ đứng tên dùm. Nay diện tích đất này ông C đã tặng cho bà xong, đã giao đất bà quản lý, sử dụng; đất đang tranh chấp hiện nay bà đang cho bà L thuê lại. Do đó, nay ông L yêu cầu trả đất bà không đồng ý.

Trong quá trình Tòa án đang xét xử, bà L mức đất nơi khác đổ lên phần

đất tranh chấp sau đó bà L trang trải canh tác lúa, nay bà không có ý kiến về việc bà L đổ đất, bà thống nhất ý kiến bà L.

+ NLQ2 trình bày: Chị là con ruột của ông L, từ trước đến nay chị sống chung với cụ C. Chị thống nhất ý kiến của NLQ1, bà L. Năm 2012 cụ C cho chị đất 5.000m² tại thửa 773, tờ bản đồ số 09 hiện nay chị đang đứng tên QSD đất, hiện đất này chị đang cho bà L thuê. Nay ông L yêu cầu trả đất chị không đồng ý.

+ NLQ3, người đại diện ông Nguyễn Văn H có văn bản ý kiến ngày 28/12/2020 như sau:

Ngày 16/09/2016 NLQ3 tiếp nhận hồ sơ công chứng Hợp đồng tặng cho QSD đất của cụ C tặng cho con là NLQ1 và hồ sơ được lập thủ tục hợp đồng tặng cho QSD đất và được công chứng số: 2421/2016/CCTM, quyền số 04/TP/CC-SCC/HDGD. Việc chứng nhận Hợp đồng tặng cho QSD đất nêu trên đúng theo thủ tục công chứng và ý chí tự nguyện của các bên tham gia giao dịch. Trước khi lập Hợp đồng tặng cho thì VPCC không nhận được văn bản ngăn chặn giao dịch dân sự có liên quan QSD đất, cụ C cam đoan tại thời điểm giao kết hợp đồng đất không có tranh chấp, không bị kê biên. Vậy việc thực hiện giao dịch dân sự về QSD đất được thực hiện tại NLQ3 đúng theo quy định về trình tự thủ tục công chứng.

Bản án sơ thẩm số 23/2021/DS-ST ngày 31/5/2021 của Tòa án huyện T đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của hộ ông Lê Văn L đối với bà Lê Thị Phương L, NLQ1.

2. Hợp đồng tặng cho QSD đất diện tích 19.468 m², thuộc thửa 413, tờ bản đồ số 26, đất tại ấp T, xã T, huyện T giữa ông Lê Văn C và NLQ1 được NLQ3 công chứng số: 2421/2016/CCTM, quyền số 04/TP/CC- SCC/HDGD ngày 16/09/2016 là vô hiệu.

3. Buộc bà Lê Thị Phương L, NLQ1 có trách nhiệm giao lại cho hộ ông Lê Văn L diện tích đất theo đo đạc thực tế 19.468 m², tại thửa 413, tờ bản đồ số 26, đất tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp do hộ ông Lê Văn L đứng tên.

Vị trí cụ thể như sau:

- Hướng Bắc: Giáp với đường nước đo từ mốc MA đến mốc M5 có chiều dài 6,18 mét, đo từ mốc M5 đến mốc M6 có chiều dài 267,37 mét, đo từ mốc M6 đến mốc M1, có chiều dài 77,04 mét. Tổng chiều dài 350,59 mét.

- Hướng Tây: Giáp với đường đất đo từ mốc MA đến mốc M0 có chiều dài 56,79 mét.

- Hướng Nam: Giáp với đường nước đo từ mốc M0 đến mốc M4 có chiều dài 6,81 mét, đo từ mốc M4 đến mốc M3 có chiều dài 268,62 mét, đo từ mốc M3 đến mốc M2 có chiều dài 78,50 mét. Tổng chiều dài 353,93 mét.

- Hướng Đông: Giáp với đất NLQ2 đo từ mốc M1 đến mốc M2 có chiều

dài 53,70 mét.

Tổng phần đất tranh chấp qua đo đạc thực tế có diện tích 19,468m².

(Có sơ đồ đo đạc hiện trạng khu đất tranh chấp giữa ông L với NLQ1, bà L về việc đo vẽ sơ đồ ngày 30/09/2020 và biên bản xem xét thẩm định ngày 10/07/2020 và ngày 26/08/2020 kèm theo).

4. Chi phí đo đạc số tiền 9.725.000đ + định giá 600.000đồng, tổng cộng 10.325.000đồng, ông Lê Văn L tự nguyện chịu, ông L đã nộp xong.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

- NLQ1, bà Lê Thị Phương L liên đới chịu số tiền là 38.936.000đồng.
- Ông Lê Văn L được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.000.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005922 ngày 05/03/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

- Sau khi án sơ thẩm xử, ngày 14/6/2021 bị đơn bà Lê Thị Phương L, người liên quan NLQ1 kháng cáo yêu cầu xem xét lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Nguyên đơn ông L, bà M, anh M đại diện ủy quyền ông Thái Quang T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà L, NLQ1 trả đất.

+ Bị đơn Lê Thị Phương L, đại diện ủy quyền ông Nguyễn Vĩnh T và người liên quan NLQ1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo không đồng ý trả đất, đồng thời yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do vi phạm tố tụng về xác định không đúng tư cách đương sự.

+ Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm. Về nội dung: Đề nghị hủy án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn ông Lê Văn L, bà Tăng Thị Tuyết M, anh Lê Duy M khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Phương L, NLQ1 trả đất diện tích 19.468m², thuộc thửa 413, tờ bản đồ số 26 tọa lạc tại xã T, huyện T. Bị đơn bà Lê Thị Phương L, người liên quan NLQ1 không đồng ý.

[2] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cùng với lời trình bày của các đương sự, xét thấy:

[2.1] Đất tranh chấp các đương sự đều xác định có nguồn gốc do cụ Lê Văn C, là cha của nguyên đơn Lê Văn L và bị đơn Lê Thị Phương L, NLQ1 nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn H, Nguyễn Cao T vào năm 1992. Ông L là con trai ở chung hộ gia đình với cha là cụ Lê Văn C nên để ông L đăng ký và được cấp QSD đất cho hộ ngày 09/12/2009 phần đất nhận chuyển nhượng diện tích 65.008m² thuộc thửa 11, tờ bản đồ số 9; đất tọa lạc xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

[2.2] Sau khi được cấp QSD đất, cụ C chia đất cho các người con gồm: ông Lê Văn L 15.000m², bà L 10.000m², NLQ1 15.000m², cháu nội NLQ2 5.000m², cụ C quản lý 24.008m².

Năm 2012 ông L xin tách thửa đất số 11 thành 05 thửa gồm:

- Thửa 771 diện tích 12.076 m²;
- Thửa 772 diện tích 10.000m²;
- Thửa 773 diện tích 5.000 m² ;
- Thửa 774 diện tích 15.000 m²;
- Thửa 786 diện tích 22.932 m².

Ông L đồng ý làm thủ tục giao đất và sang tên cho bà L, NLQ1 và NLQ2 đối với diện tích đất cụ C đã chia; riêng thửa 786, diện tích 22.932m² ông L không đồng ý sang tên cho cụ C. Cho nên, năm 2012 cụ C tranh chấp với ông L, vụ việc được UBND huyện T ban hành QĐ số 112/QĐ-UBND-HC ngày 09/9/2013 thu hồi giấy chứng nhận QSD đất tại thửa 786, tờ bản đồ số 09, diện tích 22.932m² (nay là thửa 413, tờ bản đồ số 26, diện tích 19.850,6m²) và ban hành Quyết định số 170/QĐ-UBND-HC ngày 31/12/2013 hủy giấy QSD đất, QSH nhà ở và tài sản gắn liền với đất cấp cho hộ ông L;

[2.3] Không đồng ý với QĐ số 112/QĐ-UBND-HC ngày 09/9/2013 của UBND huyện T, nên ông L khiếu nại.

Ngày 27/6/2014 Chủ tịch UBND huyện T đã ra quyết định số 14/QĐ-UBND-NC bác khiếu nại của ông L; ngày 10/11/2015 Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp ra QĐ số 358/QĐ-UBND-NĐ giữ nguyên QĐ số 14 của Chủ tịch UBND huyện T.

[2.4] Không đồng ý việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện T và Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp nên ông L khởi kiện vụ án Hành chính. Tại bản án Hành chính sơ thẩm (lần 1) số: 15/2016/HC-ST ngày 13/7/2016 của Tòa án tỉnh Đồng Tháp xử: Bác yêu cầu ông L yêu cầu hủy các Quyết định số 112, 14 và 358 của UBND huyện T, Chủ tịch UBND huyện T và Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp.

[2.5] Ông L kháng cáo. Trong thời gian chờ xét xử phúc thẩm, ngày 06/4/2016 UBND huyện T ban hành QĐ số 74/QĐ-UBND.NĐ công nhận QSD đất thửa 786 cho cụ C và cụ C được cấp QSD ngày 11/4/2016 đối với thửa đất

413, tờ bản đồ số 26, diện tích 19.850,6m² (đổi từ hộ sang cá nhân cụ C); cụ C làm hợp đồng tặng cho thửa đất 413 cho con gái là NLQ1 và được cấp QSD ngày 07/9/2016.

[2.6] Tại bản án Hành chính phúc thẩm số: 212/2017/HC-PT ngày 24/8/2017 của Tòa án Cấp cao tại tp. Hồ Chí Minh đã xử: Hủy án sơ thẩm vì thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, thiếu tư cách đương sự, chưa giải quyết đối với các quyết định số 170, các giấy cấp cho ông L năm 1997, cấp đổi năm 2009 .v.v....

[2.7] Trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án Hành chính (lần 2), ngày 23/5/2018 Chủ tịch UBND tỉnh ra quyết định số 156/QĐ-UBND-ND hủy QĐ giải quyết khiếu nại số 358; ngày 05/6/2018 Chủ tịch UBND huyện T ra Quyết định số 01/QĐ-UBND-NC hủy QĐ giải quyết khiếu nại số 14. Cho nên bản án Hành chính sơ thẩm (lần 2) số: 10/2018/HC-ST ngày 02/11/2018 của Tòa án tỉnh Đồng Tháp đã xử: Chấp nhận yêu cầu ông L. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện ông L đối với các quyết định số 14, 358 (do Chủ tịch UBND tỉnh, huyện rút QĐ); hủy các quyết định số 112, 170 và 74.

[2.8] Xét thấy, khi giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với ông L thửa 786, cấp QSD đất đối với NLQ1 thửa đất 413.

Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2008 hủy các QĐ số 112/QĐ-UBND-HC ngày 09/9/2013, QĐ số 170/QĐ-UBND-HC ngày 31/12/2013 cũng như QĐ số 74/QĐ-UBND-ND ngày 06/4/2016 của UBND huyện T là do việc ban hành các QĐ trên chưa đúng trình tự quy định tại Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 20/10/2004 hướng dẫn thi hành Luật đất đai 2003, UBND huyện T chưa xử lý đối với giấy chứng nhận QSD đất cấp cho ông Lê Văn L ngày 09/12/2009 và ban hành QĐ khi đất đang tranh chấp

Việc ông L được cấp QSD đất thửa 786 là đúng quy định, bởi ông L được cụ Chở và các thành viên trong hộ đồng ý để ông L được đăng ký đứng tên. Các đương sự đều thừa nhận, đất là do cụ C nhận chuyển nhượng của ông ông T và ông H vào năm 1992, ông L là người đứng tên QSD đất toàn bộ đất, không riêng gì thửa 786.

Đồng thời, khi giải quyết vụ án, Tòa sơ thẩm công nhận QSD đất cho ông L, buộc NLQ1, bà L giao đất nhưng QSD đất thửa 786 (nay là thửa 413) do bà L được cấp QSD đang thế chấp để đảm bảo nợ vay tại Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT Việt Nam chi nhánh huyện T nhưng không đưa Ngân hàng vào tham gia tố tụng là thiếu tư cách đương sự. Mặc dù Ngân hàng có văn bản đề nghị không yêu cầu xem xét số nợ vay, tài sản thế chấp của NLQ1, bà L trong vụ án này. Tuy nhiên, sẽ không thi hành được bản án khi QSD đất đang thế chấp tại Ngân hàng. Nếu xác định Hợp đồng tặng cho QSD đất của cụ C đối với NLQ1 là vô hiệu nhưng Tòa sơ thẩm không xem xét giấy chứng nhận QSD đất cấp cho NLQ1 đang thế chấp tại Ngân hàng là chưa đầy đủ. Những thiếu sót này của Tòa án cấp sơ thẩm là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cấp phúc thẩm không

thể khắc phục được; vì vậy cần hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Án phí phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm nên NLQ1, bà L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật và đề nghị hủy án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Quan điểm của Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 148; khoản 3 Điều 308; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 23/2022/DS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

Hoàn trả cho NLQ1, Liên mỗi người 300.000đồng theo các biên lai số 0016221, 0016220 cùng ngày 15/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND Tỉnh;
- TAND h. T;
- Chi cục THADS h. T;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (vh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Vĩnh